

TRƯỜNG KINH TẾ
KHOA KINH TẾ



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHV ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Mã số ngành đào tạo: 8.31.01.10

Nghệ An, 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG

PHẦN 1. GIỚI THIỆU.....	1
1.1. Trường Đại học Vinh.....	1
1.2. Giới thiệu về Trường Kinh tế	3
1.3. Giới thiệu về ngành Quản lý kinh tế.....	5
1.3.1. Vai trò của ngành Quản lý kinh tế trong nền kinh tế hiện đại	5
1.3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế	5
1.3.3. Nhu cầu và triển vọng nghề nghiệp trong ngành Quản lý kinh tế	5
1.3.4. Đào tạo Quản lý kinh tế tại Trường Đại học Vinh.....	6
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH	
QUẢN LÝ KINH TẾ.....	7
2.1 Thông tin chung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế	7
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế.....	8
2.2.1. Mục tiêu tổng quát	8
2.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	8
2.3. Vị trí, cơ hội việc làm và thăng tiến sau khi tốt nghiệp	11
2.4. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp.....	12
2.4.1. Tuyển sinh.....	12
2.4.2. Điều kiện tốt nghiệp.....	14
2.5. Các dịch vụ hỗ trợ người học.....	14
PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	16
3.1. Tổng quan về chương trình dạy học	16
3.1.1. Tên ngành đào tạo:	16
3.1.2. Mã số ngành đào tạo: 8310110	16
3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	16
3.2.1. Chuẩn đầu ra CTĐT cấp độ 3 theo đề cương CDIO	16
3.2.2. Đối sánh Chuẩn đầu ra CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế với các văn bản quy định của Nhà nước.....	19
3.3. Khung chương trình dạy học	20
3.3.1. Khung Chương trình dạy học trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế	20
3.3.2. Đối sánh khung Chương trình dạy học trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế với CTDH của các trường Đại học trong nước và nước ngoài.....	21
3.4. Bảng phân nhiệm CDR CTĐT cho các CDR học phần.....	27
3.5. Cấu trúc và trình tự dạy học học phần	28
3.6. Phương pháp giảng dạy và học tập	29
3.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	29
3.8. Mô tả tóm tắt các học phần	30

PHẦN 4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ	35
PHẦN 5. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ.....	43
PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ	
THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ.....	47

DANH MỤC BẢNG

BẢNG 1: MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT ...	18
BẢNG 2: ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ	19
BẢNG 3: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG NƯỚC	21
BẢNG 4: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NƯỚC NGOÀI	24

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

1.1. Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh được thành lập năm 1959 theo Nghị định số 375/NĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục với tên gọi ban đầu là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 29/02/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục có Quyết định số 637/QĐ đổi tên Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Ngày 11/07/2011, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Là một trong những trường đại học đầu tiên của nền giáo dục cách mạng Việt Nam, Trường vinh dự được đóng trên quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh - vùng địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng.

Từ khi thành lập đến nay, Trường đã trải qua 5 giai đoạn phát triển:

- Từ Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Sư phạm Vinh (1959 - 1965).
- Trường Đại học Sư phạm Vinh trong những năm sơ tán (1965 - 1973).
- Trường Đại học Sư phạm Vinh vượt qua khó khăn, từng bước đa ngành (1973 - 2001).
- Sự phát triển của Trường Đại học Vinh đa ngành (2001 - 2019).
- Xây dựng Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á (2019 - nay).

Từ Trường Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Vinh hôm nay là thành quả của sự phấn đấu liên tục, bền bỉ, sáng tạo, tự chủ của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, viên chức, học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường trong hơn 60 năm qua. Những thành quả đó khẳng định uy tín và vị thế của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và trên thế giới.

Với tiền thân là Trường Đại học sư phạm Vinh, trải qua hơn 62 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành, với nhiều đóng góp xuất sắc cho nền giáo dục nước nhà, góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, sự nghiệp đổi mới đất nước, Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận và tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý.

Nhà trường đã đào tạo trên 80.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 6.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Theo bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới của tổ chức CSIC. hằng năm Trường Đại học Vinh đều được xếp trong top 20 các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam. Trường Đại học Vinh đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu theo Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học (UPM) của 100 trường đại học hàng đầu châu Á (trong đó có nhiều tiêu chí đạt 5 sao). Theo bảng xếp hạng SCImago (SCImago Institutions Rankings) Trường Đại học Vinh xếp ở vị trí thứ 16 trong 22 trường đại học của Việt Nam.

Nghị quyết số 11/NQ-HĐ ngày 18/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh đã xác định sứ mạng, tầm nhìn của Trường, cụ thể là:

Tầm nhìn: "Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu Châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045".

Sứ mạng: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế".

GIÁ TRỊ CỐT LÕI: Trung thực (Honesty)
Trách nhiệm (Accountability)
Say mê (Passion)
Sáng tạo (Creativity)
Hợp tác (Collaboration)

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC: HỢP TÁC - SÁNG TẠO

Trường Đại học Vinh xác định Hợp tác (Collaboration) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. Hợp tác là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. Hợp tác là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan.

Nhà trường tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác

Trường Đại học Vinh coi Sáng tạo (Creativity) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá, và không ngừng cải tiến. Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình "hình thành ý tưởng - thiết kế - triển khai - vận hành" trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.

Chiến lược phát triển của Nhà trường: Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045. Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Hiện tại, Trường đào tạo 57 ngành đại học (*trong đó có 3 ngành đại học chất lượng cao*), 38 chuyên ngành thạc sĩ, 17 chuyên ngành tiến sĩ (2). Ngoài ra, Trường Đại học Vinh còn có 3 trường trực thuộc (Trường THPT Chuyên, Trường Mầm non thực hành và Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông thực hành). Quy mô đào tạo của Trường là gần 35.000 học sinh, sinh viên, học viên, trong đó sinh viên, học viên chính quy là 22.000 người.

Trong 57 ngành đào tạo đại học, Trường Đại học Vinh có 14 ngành đào tạo giáo viên là các ngành truyền thống, cung cấp nguồn giáo viên chất lượng cao cho cả nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển, chất lượng đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm hàng đầu. Từ năm 2017, Nhà trường đã xây dựng và phát triển Chương trình đào tạo tiếp cận CDIO cho tất cả các ngành đào tạo đại học và chuyên ngành đào tạo sau đại học. Trường đang tập trung xây dựng các mô hình đào tạo giáo viên nói riêng, đào tạo các nguồn nhân lực nói chung theo tiếp cận năng lực, đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển hệ thống hỗ trợ dạy học E-learning, các hình thức dạy học trực tuyến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

1.2. Giới thiệu về Trường Kinh tế

Năm 2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-TCCB, ngày 24/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tháng 9 năm 2021 Khoa Kinh tế được Trường Đại học Vinh chuyển đổi mô hình thành Trường Kinh tế được giao nhiệm vụ đào tạo: 1 mã ngành đào tạo Tiến sĩ; 3 mã ngành đào tạo thạc sĩ; 5 mã ngành Đại học chính quy hệ cử nhân kinh tế; 4 mã ngành đào tạo Đại học hệ vừa làm vừa học. Trường Kinh tế có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học khối ngành Kinh tế phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, Trường Kinh tế thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.
- Đào tạo trình độ Tiến sĩ: chuyên ngành Quản lý kinh tế.
- Đào tạo trình độ Thạc sĩ: chuyên ngành Kinh tế chính trị, chuyên ngành Quản lý kinh tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kế toán.
- Đào tạo Cử nhân Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Kinh tế nông nghiệp, Cử nhân quản trị kinh doanh hệ Chất lượng cao, Cử nhân Thương mại điện tử.
- Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.
- Bồi dưỡng và quảng bá kiến thức về khối ngành Kinh tế
- Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học.
- Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

Tầm nhìn, Sứ mạng, Triết lý giáo dục của Trường Kinh tế:

Sứ mạng: Trường Kinh tế là trường thuộc Trường Đại học Vinh, đào tạo theo định hướng ứng dụng, cung cấp nguồn nhân lực kinh tế chất lượng cao, chú trọng đổi mới các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, góp phần vào sự phát triển của khu vực Bắc trung Bộ và cả nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Kinh tế trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý có chất lượng, uy tín hàng đầu khu vực Bắc Trung Bộ.

Slogan: Kết nối tri thức - Kiến tạo tương lai

Triết lý giáo dục (Giá trị cốt lõi): *Hợp tác - Kiến tạo - Phát triển*

Hợp tác: Chúng tôi luôn sẵn sàng hợp tác với tất cả các bên liên quan để tìm kiếm các cơ hội, cùng kết nối, chia sẻ tri thức để mang đến những giá trị tốt đẹp nhất cho người học, cho giảng viên và người lao động.

Kiến tạo: Bằng việc chú trọng đổi mới chương trình đào tạo, thực hiện gắn dạy học với đồ án/dự án môn học để giải quyết các bài toán thực tiễn và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, ý tưởng khởi nghiệp của người học. Từ đó tạo nên những sản phẩm đầu ra có tính tích cực, chủ động và sáng tạo cao nhất.

Phát triển: Với những gì được lĩnh hội tại đây, từ người học, giảng viên cho đến người lao động đều có cơ hội được hoàn thiện và phát triển bản thân, cơ hội phát triển trong nghề nghiệp, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội và đất nước.

Chính sách chất lượng: Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh cam kết:

1. Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực kinh tế chất lượng cao, đảm bảo các công trình nghiên cứu khoa học có chất lượng và chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho các tổ chức, địa phương, doanh nghiệp.

2. Luôn lấy người học làm trung tâm, đội ngũ giảng viên là nguồn lực cốt lõi trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

3. Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật, đổi mới nội dung chương trình đào tạo, giáo trình, phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

4. Tạo môi trường học tập, nghiên cứu và điều kiện làm việc tốt nhất cho các cấp bậc học, cho từng viên chức, người lao động của Nhà trường, từ đó tạo ra hệ giá trị cốt lõi "*Hợp tác - Kiến tạo - Phát triển*" cho người học, viên chức, người lao động.

5. Thường xuyên đánh giá và cải tiến cách thức, phương pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hoạt động của Nhà trường

Hiện nay Trường Kinh tế đã và đang có quan hệ hợp tác với một số cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế để triển khai một số chương trình dự án nghiên cứu khoa học phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; Trường đã ký hợp tác với Hội Kế toán công chứng Anh ICAEW dạy và cấp chứng chỉ kế toán quốc tế. Ngoài ra, Trường có quan hệ hợp tác với các Trường Đại học và Viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế như: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Đại học Ngoại thương, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM, Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Hà Tĩnh, Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung Ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công thương, Cục thuế... các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.

Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh sẽ mở rộng các hướng và hình thức đào tạo đa dạng, tiếp tục phát triển thích ứng với điều kiện hoàn cảnh mới, đáp ứng yêu cầu phát triển mới, phù hợp nhu cầu và sự phát triển của xã hội mở ra cơ hội việc làm và phát triển nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng trong thời kỳ đổi mới đất nước, góp phần cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hiện nay Trường Kinh tế đã có 3 chương trình đào tạo đại học chính quy (Quản trị kinh doanh, Kế toán và Tài chính ngân hàng) được đánh giá ngoài theo Bộ tiêu chuẩn Quốc gia và được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục, hiện đang thực hiện tự đánh giá CTĐT ngành Quản lý kinh tế và Kinh tế chính trị.

1.3. Giới thiệu về ngành Quản lý kinh tế

Ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ là một ngành học chuyên sâu, cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết để trở thành những chuyên gia trong việc hoạch định, quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế trong môi trường doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và các tổ chức quốc tế. Ngành học này không chỉ đáp ứng yêu cầu về kiến thức lý thuyết mà còn tập trung vào việc phát triển các kỹ năng thực tiễn, khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế phức tạp, cũng như khả năng ra quyết định chiến lược trong môi trường kinh tế luôn thay đổi và có tính toàn cầu.

1.3.1. Vai trò của ngành Quản lý kinh tế trong nền kinh tế hiện đại

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang tiến mạnh mẽ vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và đối mặt với những thách thức trong quá trình phát triển bền vững, ngành Quản lý kinh tế đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng ứng phó và tận dụng các cơ hội kinh tế toàn cầu. Ngành học này cung cấp cho học viên khả năng hiểu biết sâu sắc về các vấn đề kinh tế, quản lý tài chính, marketing, quản lý nhân lực và các kỹ năng lãnh đạo, giúp họ có thể đưa ra các quyết định chiến lược hiệu quả trong môi trường cạnh tranh.

Quản lý kinh tế không chỉ là việc điều hành và tối ưu hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh trong một tổ chức, mà còn liên quan đến việc phân tích và dự báo các yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài, từ đó có những kế hoạch dài hạn và chiến lược phát triển hợp lý. Các học viên tốt nghiệp ngành này sẽ có khả năng đối mặt với các thách thức và cơ hội mà nền kinh tế toàn cầu mang lại, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế quốc gia và khu vực.

1.3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản lý kinh tế được thiết kế nhằm trang bị cho học viên một nền tảng kiến thức vững chắc về các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và các kỹ thuật quản lý hiện đại trong lĩnh vực kinh tế.

Bên cạnh đó, chương trình còn chú trọng đến việc phát triển kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định và khả năng phân tích các vấn đề kinh tế phức tạp trong thực tế. Sinh viên sẽ được học cách xây dựng và thực thi các chiến lược phát triển kinh tế, đồng thời rèn luyện khả năng nghiên cứu, tư duy phản biện và sáng tạo trong quá trình giải quyết các tình huống thực tế.

Ngoài các kiến thức chuyên môn, chương trình cũng đặc biệt chú trọng đến việc trang bị cho học viên khả năng sử dụng các công cụ công nghệ hiện đại, các phần mềm quản lý, phân tích dữ liệu kinh tế, giúp học viên có thể áp dụng hiệu quả vào công việc sau khi tốt nghiệp.

1.3.3. Nhu cầu và triển vọng nghề nghiệp trong ngành Quản lý kinh tế

Ngành Quản lý kinh tế mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp hấp dẫn cho những người có trình độ thạc sĩ, đặc biệt là trong các tổ chức và doanh nghiệp có quy mô lớn, các cơ quan nhà

nước, các tổ chức tài chính và các tổ chức quốc tế. Học viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc trong các lĩnh vực như: quản lý tài chính, phân tích thị trường, quản lý chiến lược, quản lý dự án, nghiên cứu kinh tế, hoặc trở thành các chuyên gia tư vấn cho các tổ chức, doanh nghiệp về các chiến lược phát triển kinh tế và quản lý hiệu quả.

Tại khu vực Bắc Trung Bộ, nơi có sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp, dịch vụ và du lịch, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành Quản lý kinh tế càng trở nên cấp thiết. Các tỉnh như Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế đang chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ trong các lĩnh vực kinh tế và thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Điều này tạo ra nhu cầu lớn về đội ngũ chuyên gia quản lý có khả năng xử lý các vấn đề kinh tế phức tạp, đảm bảo sự phát triển bền vững cho các tổ chức và doanh nghiệp trong khu vực.

Bên cạnh đó, ngành Quản lý kinh tế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các doanh nghiệp có thể tối ưu hóa hoạt động sản xuất, tăng trưởng bền vững và nâng cao sức cạnh tranh trong môi trường kinh tế toàn cầu. Học viên tốt nghiệp ngành này có thể làm việc trong các vị trí quản lý cao cấp như Giám đốc điều hành, Giám đốc tài chính, Giám đốc chiến lược, và các vị trí lãnh đạo khác trong các tổ chức, doanh nghiệp.

1.3.4. Đào tạo Quản lý kinh tế tại Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh, với bề dày kinh nghiệm trong việc đào tạo các ngành kinh tế, đã phát triển chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Chương trình đào tạo này được thiết kế để trang bị cho học viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết trong quản lý kinh tế, từ đó giúp họ có thể phát triển sự nghiệp trong các tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Trường cũng chú trọng vào việc phát triển khả năng nghiên cứu và tư duy độc lập, giúp học viên có thể đóng góp vào công tác nghiên cứu và phát triển các chiến lược kinh tế cho các tổ chức.

Với đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, Trường Đại học Vinh cam kết cung cấp một môi trường học tập chất lượng, giúp học viên phát triển toàn diện và đạt được các mục tiêu nghề nghiệp của mình. Cùng với các cơ sở hạ tầng hiện đại và các mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước, Trường Đại học Vinh là lựa chọn lý tưởng cho những ai mong muốn nâng cao trình độ và phát triển sự nghiệp trong ngành Quản lý kinh tế.

1. Tên ngành đào tạo:	Quản lý kinh tế
2. Mã số ngành đào tạo:	8.31.01.10
3. Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
4. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế
5. Địa chỉ	Số 182, Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An
6. Điện thoại	02383.552.496
7. Facebook page	https://www.facebook.com/share/19eTkFUN5N/?mibextid=wwXlfr

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

2.1 Thông tin chung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế

1.	Tên ngành đào tạo:	Quản lý kinh tế
2.	Mã số ngành đào tạo:	8.31.01.10
3.	Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
4.	Thời gian đào tạo:	2 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ ngành Kinh tế
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế
7.	Hình thức đào tạo:	
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	61 tín chỉ
9.	Thang điểm:	
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Vinh được thiết kế với phương pháp giảng dạy hiện đại, áp dụng mô hình CDIO (Conceive - Design - Implement - Operate) và chú trọng vào đổi mới sáng tạo cũng như chuyển đổi số trong quản lý kinh tế. Cụ thể:

Mô hình CDIO được áp dụng xuyên suốt chương trình, giúp học viên phát triển toàn diện các kỹ năng từ việc hình thành ý tưởng đến thiết kế, triển khai và vận hành các chiến lược quản lý kinh tế. Phương pháp này đặc biệt nhấn mạnh vào khả năng giải quyết vấn đề, nghiên cứu và cải tiến quy trình trong việc thu nhận và cung cấp thông tin quản lý.

Các chuẩn đầu ra của chương trình được xây dựng dựa trên mục tiêu đào tạo rõ ràng, phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh. Chương trình không chỉ trang bị kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế, mà còn phát triển các phẩm chất nghề nghiệp và năng lực lãnh đạo, giúp học viên trở thành những chuyên gia quản lý có khả năng định hướng và thực thi các chiến lược phát triển hiệu quả.

Chương trình tích hợp toàn diện: Học viên sẽ được đào tạo không chỉ về kiến thức chuyên môn mà còn về các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, ra quyết định, phân tích và đánh giá các chiến lược, đồng thời phát triển khả năng đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số vào công việc. Chương trình giúp học viên hình thành tư duy quản lý hiện đại và năng lực lãnh đạo trong môi trường kinh doanh thay đổi liên tục.

Cơ sở vật chất và tài nguyên học tập: Học viên sẽ được tiếp cận với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, bao gồm thư viện điện tử, phòng học, phòng thực hành và các thiết bị học tập tiên tiến. Hệ thống mạng LAN và Internet được tối ưu để học viên có thể tra cứu tài liệu và nghiên cứu sâu rộng, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu chuyên sâu.

Đội ngũ giảng viên chất lượng: Giảng viên trong chương trình đào tạo là các chuyên gia có uy tín trong ngành, giàu kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu. Các giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, khuyến khích học viên phát triển tư duy độc lập, khả năng giải quyết vấn đề và quản lý xung đột trong môi trường làm việc đa dạng.

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế

2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành *Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng* có kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế, có khả năng vận dụng, phát triển kiến thức và kỹ năng để hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế; có khả năng tiếp tục học tập nghiên cứu ở bậc đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng, người học có khả năng:

PO1. *Vận dụng* được kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế, hoạch định, tổ chức thực hiện và phân tích kế hoạch, chính sách để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế.

PO2. *Thành thạo* các kỹ năng để giải quyết vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế; thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, có chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

PO3. *Có kỹ năng* truyền thông, truyền đạt tri thức các vấn đề chuyên sâu về quản lý kinh tế, phân tích chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số; hợp tác và hành động chuyên nghiệp.

PO4. *Hình thành* ý tưởng, *hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh* hoạt động quản lý tổ chức, quản lý kinh tế trong thực tiễn.

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Ngành: Quản lý kinh tế (định hướng ứng dụng)

TT	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA
PLO 1.1.	Vận dụng được kiến thức nâng cao về triết học Mác - Lê Nin, quản lý nhà nước và kiến thức liên ngành ở cấp độ nền kinh tế, vùng, ngành, lĩnh vực và địa phương
PLO 1.2.	Áp dụng được kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về quản lý, quản lý kinh tế, phân tích chính sách để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề quản lý tổ chức, quản lý nhà nước
PLO 2.1.	Vận dụng các kỹ năng để giải quyết vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế
PLO 2.2.	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, có chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp
PLO 3.1.	Vận dụng kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên sâu về quản lý kinh tế, phân tích chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số
PLO 3.2.	Áp dụng kỹ năng kết nối, hợp tác và ứng dụng công nghệ, ngoại ngữ trong quản lý kinh tế, phân tích chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số
PLO 4.1.	Phân tích bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế
PLO 4.2.	Hình thành ý tưởng, hoạch định , tổ chức thực hiện , đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản lý tổ chức, quản lý kinh tế trong thực tiễn

**CHUẨN ĐẦU RA CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ**

Ngành: Quản lý kinh tế (định hướng ứng dụng)

TT	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL Môn học
PLO 1.1.	<i>Vận dụng được kiến thức nâng cao về triết học Mác - Lê Nin, quản lý nhà nước và kiến thức liên ngành ở cấp độ nền kinh tế, vùng, ngành, lĩnh vực và địa phương</i>	K4
1.1.1	Tổng quát hóa được kiến thức nâng cao về triết học Mác - Lê Nin vào đánh giá thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	K4
1.1.2.	Vận dụng được các kiến thức nâng cao về quản lý nhà nước và kiến thức liên ngành ở cấp độ nền kinh tế, vùng, ngành, lĩnh vực và địa phương	K4
PLO 1.2.	<i>Áp dụng được kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về quản lý, quản lý kinh tế, phân tích chính sách để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề quản lý tổ chức, quản lý nhà nước</i>	K4
1.2.1.	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về quản lý để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức	K4
1.2.2.	Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế và phân tích chính sách để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề quản lý nhà nước	K4
PLO 2.1.	<i>Vận dụng các kỹ năng để giải quyết vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế</i>	S4
2.1.1.	Áp dụng kỹ năng tìm kiếm, thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức, quản lý kinh tế	S4
2.1.2.	Vận dụng các kỹ năng lãnh đạo, đàm phán, quản lý sự thay đổi và đổi mới để giải quyết vấn đề quản lý tổ chức, quản lý kinh tế	S4
PLO 2.2	<i>Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, có chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp</i>	A4
2.2.1.	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp	A4
2.2.2.	Thể hiện chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm với các quyết định trong thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	A4

PLO 3.1.	<i>Vận dụng kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên sâu về quản lý kinh tế, phân tích chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số</i>	S4
3.1.1.	<i>Vận dụng kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về quản lý kinh tế và phân tích chính sách</i>	S4
3.1.2.	<i>Thảo luận các vấn đề chuyên sâu về quản lý kinh tế và phân tích chính sách</i>	S4
PLO 3.2.	<i>Áp dụng kỹ năng kết nối, hợp tác và ứng dụng công nghệ, ngoại ngữ trong quản lý kinh tế, phân tích chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số</i>	S4
3.2.1.	<i>Áp dụng kỹ năng kết nối, hợp tác trong thực tiễn quản lý kinh tế và phân tích chính sách</i>	S4
3.2.2.	<i>Ứng dụng công nghệ, ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trong thực tiễn quản lý kinh tế, phân tích chính sách</i>	S4
PLO 4.1.	<i>Phân tích bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế</i>	K4
4.1.1	<i>Phân tích bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế</i>	K4
4.1.2	<i>Phân tích được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức</i>	K4
PLO 4.2.	<i>Hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản lý tổ chức, quản lý kinh tế trong thực tiễn</i>	C5
4.2.1.	<i>Hình thành ý tưởng về hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế</i>	C4
4.2.2.	<i>Hoạch định, tổ chức thực hiện hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế</i>	C4
4.2.3.	<i>Đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản lý tổ chức, quản lý kinh tế trong thực tiễn</i>	C5

2.3. Vị trí, cơ hội việc làm và thăng tiến sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế, học viên có thể đảm nhận nhiều vị trí lãnh đạo và chuyên môn trong các tổ chức, doanh nghiệp, cũng như các cơ quan nhà nước. Với kiến thức về chuyên sâu và kỹ năng thực tiễn, học viên sẽ có cơ hội làm việc trong các ngành nghề đa dạng và môi trường làm việc chuyên nghiệp, cụ thể:

Chuyên viên chiến lược và phân tích kinh tế: Học viên có thể làm việc tại các doanh nghiệp lớn, ngân hàng, công ty tư vấn hoặc cơ quan nhà nước,...

Chuyên viên chính sách công và phát triển kinh tế: học viên có thể làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức quốc tế hoặc tổ chức phi lợi nhuận, nghiên cứu và xây dựng các chính sách kinh tế, chiến lược phát triển khu vực hoặc quốc gia...

Giảng viên và Nghiên cứu viên: học viên có thể lựa chọn giảng dạy tại các trường đại học, viện nghiên cứu.

Cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp

Một trong những ưu điểm nổi bật của chương trình thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là mở ra nhiều cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp như: các vị trí lãnh đạo, tham gia các dự án quốc tế và đa quốc gia, khởi nghiệp và đầu tư...

2.4. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.4.1. Tuyển sinh

Đối tượng dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường là công dân Việt Nam và người nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

b) Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

Học viên tốt nghiệp Đại học các trường Đại học trừ một số ngành loại trừ theo quy định của ngành Quản lý kinh tế (định hướng ứng dụng). Đối với ngành đúng sẽ không phải học bổ sung kiến thức; ngành gần và các ngành còn lại sẽ học chuyển đổi từ 3 - 7 học phần.

**DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ NGÀNH KHÁC
CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC TRONG CÁC KỲ THI TUYỂN SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Ngành Quản lý kinh tế

Định hướng ứng dụng			
Ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức		
	Ngành	Tên HP	SSố TC
1. Kinh tế học, mã ngành: 73101 Kinh tế - 7310101 Kinh tế chính trị - 7310102 Kinh tế đầu tư - 7310104 Kinh tế phát triển - 7310105 Kinh tế quốc tế - 7310106 Thống kê kinh tế - 7310107 Toán kinh tế - 7310108 Kinh tế số - 7310109	- Các ngành thuộc nhóm Quản trị - Quản lý: Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án - Các ngành thuộc nhóm Kinh doanh - 73401 Quản trị kinh doanh - 7340101 Marketing - 7340115 Bất động sản - 7340116 Kinh doanh quốc tế - 7340120 Kinh doanh thương mại - 7340121 Thương mại điện tử - 7340122 Kinh doanh thời trang và dệt may - 7340123 - Các ngành thuộc nhóm Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm - 73402 Tài chính - Ngân hàng - 7340201 Bảo hiểm - 7340204 Công nghệ tài chính - 7340205 - Các ngành thuộc nhóm Kế toán - Kiểm toán - 73403 Kế toán - 7340301 Kiểm toán - 7340302 - Các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học so với ngành Quản lý kinh tế khác nhau từ không quá 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	1. Quản lý học 2. Chính sách kinh tế 3. Quản lý nhà nước về kinh tế	99

- Tốt nghiệp đại học ngành khác có bằng Cao cấp LLCT	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô	66
Tốt nghiệp đại học ngành khác không bao gồm: 1. Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên - 714 2. Nghệ thuật - 721 3. Khoa học sự sống - 742 4. Khoa học tự nhiên - 744 (ngoại trừ khoa học trái đất 74402, Khoa học môi trường - 74403) 5. Toán và thống kê - 746 (Ngoại trừ Khoa học tính toán - 7440107, Khoa học dữ liệu - 7460108...) 6. Thú y - 764 7. Sức khỏe - 722 (ngoại trừ: Quản lý y tế: 77208) 8. Dịch vụ xã hội - 776 9. An ninh - Quốc phòng - 786 (ngoại trừ Quản lý nhà nước về an ninh trật tự - 7860109, Hậu cần công an nhân dân - 7860116)	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Quản lý học 4. Chính sách kinh tế 5. Quản lý nhà nước về kinh tế 6. Quản lý phát triển kinh tế địa phương 7. Truyền thông, đàm phán và giao tiếp	21

2.4.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

- a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đồ án đạt yêu cầu.
- b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp, được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ giáo dục và đào tạo công bố hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2.5. Các dịch vụ hỗ trợ người học

Trường Đại học Vinh đã thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ người học, học viên. Trường Đại học Vinh đã xây dựng Quỹ Hỗ trợ học sinh, sinh viên, học viên (HSSV). Quỹ Hỗ trợ HSSV Trường Đại học Vinh được thành lập tháng 1 năm 2016. Đến nay Quỹ đã kêu gọi,

tiếp nhận, trao số tiền gần 20 tỷ đồng cho HSSV. Hiện tài khoản của Quỹ vẫn còn số dư trên 3 tỷ đồng đảm bảo để Quỹ duy trì hoạt động và kịp thời hỗ trợ cho các HSSV bị ốm đau, tai nạn rủi ro hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác. Trường Đại học Vinh đã xây dựng mạng lưới cựu HSSV, xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Liên lạc cựu HSSV Trường Đại học Vinh (2018); thành lập các Ban liên lạc cựu HSSV tại tất cả các khoa, viện, trường thuộc và trực thuộc (2018) và Ban Liên lạc cựu HSSV Trường Đại học Vinh (2019).

Trường Đại học Vinh đã tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng: Tổ chức nhiều sự kiện văn hoá, các hội nghị, hội thảo tư vấn nghề nghiệp, việc làm; các chương trình giao lưu văn nghệ với hàng chục diễn giả, nghệ sĩ nổi tiếng được giới trẻ mến mộ. Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về thương mại điện tử, kỹ năng và tư duy khởi nghiệp sáng tạo, khởi sự kinh doanh; bồi dưỡng ngoại ngữ miễn phí (tiếng Nhật, Hàn, Đức, Anh, Trung Quốc) nhằm phục vụ nhu cầu của HSSV.

Trường Đại học Vinh đã xây dựng và ra mắt “Cổng Thông tin việc làm Trường Đại học Vinh” (26/4/2021). Quỹ Hỗ trợ HSSV Trường Đại học Vinh được thành lập tháng 1 năm 2016. Đến nay Quỹ đã kêu gọi, tiếp nhận, trao số tiền gần 20 tỷ đồng cho HSSV. Hiện tài khoản của Quỹ vẫn còn số dư trên 3 tỷ đồng đảm bảo để Quỹ duy trì hoạt động và kịp thời hỗ trợ cho các HSSV bị ốm đau, tai nạn rủi ro hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác.

PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Tổng quan về chương trình dạy học

3.1.1. Tên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Quản lý kinh tế
- + Tiếng Anh: Economics Management

3.1.2. Mã số ngành đào tạo: 8310110

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Thời gian đào tạo: 2 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Economics

Chương trình *thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng* trang bị kiến thức chuyên sâu về quản lý tổ chức, phân tích chính sách, quản lý nhà nước và các kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực kinh tế. Người học có khả năng hình thành ý tưởng, triển khai và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế, thể hiện sự chuyên nghiệp và tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, có năng lực để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc tiến sĩ trong nước và quốc tế.

3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là những yêu cầu chung về kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành nghề nghiệp của người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

3.2.1. Chuẩn đầu ra CTĐT cấp độ 3 theo đề cương CDIO

TT	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL Môn học
PLO 1.1.	<i>Vận dụng được kiến thức nâng cao về triết học Mác - Lê Nin, quản lý nhà nước và kiến thức liên ngành ở cấp độ nền kinh tế, vùng, ngành, lĩnh vực và địa phương</i>	K4
1.1.1	Tổng quát hóa được kiến thức nâng cao về triết học Mác - Lê Nin vào đánh giá thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế	K4
1.1.2.	Vận dụng được các kiến thức nâng cao về quản lý nhà nước và kiến thức liên ngành ở cấp độ nền kinh tế, vùng, ngành, lĩnh vực và địa phương	K4
PLO 1.2.	<i>Áp dụng được kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về quản lý, quản lý kinh tế, phân tích chính sách để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề quản lý tổ chức, quản lý nhà nước</i>	K4
1.2.1.	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về quản lý để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức	K4
1.2.2.	Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế và phân tích chính sách để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề quản lý nhà nước	K4

PLO 2.1.	<i>Vận dụng các kỹ năng để giải quyết vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế</i>	<i>S4</i>
2.1.1.	<i>Áp dụng kỹ năng tìm kiếm, thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức, quản lý kinh tế</i>	<i>S4</i>
2.1.2.	<i>Vận dụng các kỹ năng lãnh đạo, đàm phán, quản lý sự thay đổi và đổi mới để giải quyết vấn đề quản lý tổ chức, quản lý kinh tế</i>	<i>S4</i>
PLO 2.2	<i>Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, có chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp</i>	<i>A4</i>
2.2.1.	<i>Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp</i>	<i>A4</i>
2.2.2.	<i>Thể hiện chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm với các quyết định trong thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế</i>	<i>A4</i>
PLO 3.1.	<i>Vận dụng kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên sâu về quản lý kinh tế, phân tích chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số</i>	<i>S4</i>
3.1.1.	<i>Vận dụng kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về quản lý kinh tế và phân tích chính sách</i>	<i>S4</i>
3.1.2.	<i>Thảo luận các vấn đề chuyên sâu về quản lý kinh tế và phân tích chính sách</i>	<i>S4</i>
PLO 3.2.	<i>Áp dụng kỹ năng kết nối, hợp tác và ứng dụng công nghệ, ngoại ngữ trong quản lý kinh tế, phân tích chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số</i>	<i>S4</i>
3.2.1.	<i>Áp dụng kỹ năng kết nối, hợp tác trong thực tiễn quản lý kinh tế và phân tích chính sách</i>	<i>S4</i>
3.2.2.	<i>Ứng dụng công nghệ, ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trong thực tiễn quản lý kinh tế, phân tích chính sách</i>	<i>S4</i>
PLO 4.1.	<i>Phân tích bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế</i>	<i>K4</i>
4.1.1	<i>Phân tích bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế</i>	<i>K4</i>
4.1.2	<i>Phân tích được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức</i>	<i>K4</i>
PLO 4.2.	<i>Hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản lý tổ chức, quản lý kinh tế trong thực tiễn</i>	<i>C5</i>
4.2.1.	<i>Hình thành ý tưởng về hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế</i>	<i>C4</i>
4.2.2.	<i>Hoạch định, tổ chức thực hiện hoạt động quản lý tổ chức và quản lý kinh tế</i>	<i>C4</i>
4.2.3.	<i>Đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản lý tổ chức, quản lý kinh tế trong thực tiễn</i>	<i>C5</i>

BẢNG 1: MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT

Mục tiêu CDR cấp 2	PO1	PO2	PO3	PO4
1.1	✓			
1.2	✓			
2.1		✓		
2.2		✓		
3.1			✓	
3.2			✓	
4.1				✓
4.2				✓

3.2.2. Đối sánh Chuẩn đầu ra CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế với các văn bản quy định của Nhà nước

BẢNG 2: ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

TT	CDR trình độ bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
I	Kiến thức								
	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.	✓	✓	✓					
	Kiến thức liên ngành có liên quan.	✓	✓	✓					
	Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	✓	✓	✓					
II	Kỹ năng								
	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.			✓					
	Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.					✓			
	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.			✓			✓		
	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.					✓			
	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.						✓		
III	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm								
	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.			✓				✓	
	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.							✓	
	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.					✓			✓
	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.								✓

3.3. Khung chương trình dạy học

3.3.1. Khung Chương trình dạy học trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL
1	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			07	05	02
	KTTH		Triết học	04	03	01
	KTTA		Ngoại ngữ	03	02	01
2	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			24	16	08
2.1	Các học phần bắt buộc			12	08	04
	LSKT	501	Các học thuyết kinh tế hiện đại	03	02	01
	KTVM	502	Kinh tế vĩ mô nâng cao	03	02	01
	QLNN	503	Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	03	02	01
	PPNC	504	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	03	02	01
2.2	Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 môn)			12/24	08/16	04/08
	KTQT	505	Kinh tế quốc tế nâng cao	03	02	01
	KTPPT	506	Kinh tế phát triển nâng cao	03	02	01
	QLKN	709	Quản lý nguồn nhân lực	03	02	01
	KTNL	710	Quản lý tài chính công	03	02	01
	TCPT	711	Quản lý chương trình và dự án công	03	02	01
	QLCT	712	Quản lý khủng hoảng	03	02	01
	KTTB	713	Các nhà quản lý kinh tế tiêu biểu	03	02	01
	QLKH	714	Kỹ năng quản lý	03	02	01
3	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			15	10/18	05/09
3.1	Các học phần bắt buộc			09	06	03
	QLTC	715	Quản lý tổ chức	03	02	01
	QLPT	716	Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa	03	02	01
	QLCS	717	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	03	02	01
3.2	Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 môn)			06/18	04/12	02/06
	QLQH	718	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	03	02	01
	QLLD	719	Lãnh đạo	03	02	01
	QLXD	720	Đàm phán và quản lý xung đột	03	02	01
	QLTD	721	Quản lý sự thay đổi và đổi mới	03	02	01
	QLBV	722	Quản lý phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam	03	02	01
	QLCL	723	Quản lý chiến lược	03	02	01
4	LUẬN VĂN THẠC SĨ			15	0	00
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY			61	31	15

3.3.2. Đối sánh khung chương trình dạy học trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế với CTDH của các trường Đại học trong nước và nước ngoài

(Bảng 3 và 4)

BẢNG 3: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG NƯỚC

Nội dung	CTDH trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Vinh	CTDH trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (NEU)	CTDH trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN (UEB)	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	61 tín chỉ (7 tín chỉ chung, 12 tín chỉ cơ sở ngành, 12 tín chỉ chuyên ngành, 15 tín chỉ thực tập và đồ án, 15 tín chỉ tự chọn)	60 tín chỉ (10 tín chỉ chung, 20 tín chỉ cơ sở ngành, 20 tín chỉ chuyên ngành, 10 tín chỉ thực tập và luận văn thạc sĩ)	60 tín chỉ (8 tín chỉ chung, 22 tín chỉ cơ sở ngành, 20 tín chỉ chuyên ngành, 10 tín chỉ luận văn thạc sĩ)	Các trường đều áp dụng tổng số tín chỉ tương đồng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đại học Vinh tập trung nhiều vào thực tập và ứng dụng thực tiễn.
Thời gian đào tạo	2 năm (4 học kỳ)	2 năm (4 học kỳ)	2 năm (4 học kỳ)	Thời gian đào tạo tương đồng giữa các trường, đáp ứng tiêu chuẩn đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định.
Khối kiến thức chung	7 tín chỉ: Triết học (4 tín chỉ), Ngoại ngữ (3 tín chỉ)	10 tín chỉ: Triết học (3 tín chỉ), Ngoại ngữ (3 tín chỉ), Phương pháp nghiên cứu (4 tín chỉ)	8 tín chỉ: Triết học (3 tín chỉ), Ngoại ngữ (3 tín chỉ), Phương pháp nghiên cứu (2 tín chỉ)	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh dành ít tín chỉ hơn cho khối kiến thức chung, phù hợp với định hướng ứng dụng thực tiễn, thay vì nghiên cứu học thuật sâu
Khối kiến	12 tín chỉ, gồm: - Học phần bắt buộc: 9 tín chỉ	20 tín chỉ, gồm: - Học phần bắt buộc: 16 tín chỉ	22 tín chỉ, gồm: - Học phần bắt buộc: 18 tín chỉ	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh chủ

thực cơ sở ngành	(Các học thuyết kinh tế hiện đại, Kinh tế vĩ mô nâng cao, Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế). - Học phần tự chọn: 3 tín chỉ, gồm các môn: + Kinh tế quốc tế nâng cao (3 tín chỉ) + Kinh tế phát triển nâng cao (3 tín chỉ) + Quản lý đầu tư công (3 tín chỉ) + Thống kê ứng dụng (3 tín chỉ) + Quản lý khủng hoảng (3 tín chỉ) + Quản lý phát triển bền vững ở Việt Nam (3 tín chỉ)	(Kinh tế học vĩ mô nâng cao, Kinh tế lượng ứng dụng, Kinh tế phát triển, Quản lý nhà nước). - Học phần tự chọn: 4 tín chỉ, gồm các môn: + Phân tích rủi ro kinh tế (3 tín chỉ) + Đổi mới sáng tạo trong quản lý (3 tín chỉ) + Kinh tế lượng ứng dụng nâng cao (3 tín chỉ) + Kỹ năng quản lý nâng cao (3 tín chỉ)	chi (Kinh tế học vĩ mô nâng cao, Kinh tế lượng, Quản lý nhà nước về kinh tế, Thống kê ứng dụng). - Học phần tự chọn: 4 tín chỉ, gồm các môn: + Quản lý kinh tế số (3 tín chỉ) + Phân tích dữ liệu lớn (3 tín chỉ) + Kỹ năng lãnh đạo (3 tín chỉ)	trọng các học phần mang tính ứng dụng cao trong bối cảnh phát triển kinh tế địa phương, nhưng ít môn phân tích sâu hơn so với NEU và UEB.
Khối kiến thức chuyên ngành	12 tín chỉ, gồm: - Học phần bắt buộc: 9 tín chỉ (Quản lý tổ chức, Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội). - Học phần tự chọn: 3 tín chỉ, gồm các môn:	20 tín chỉ, gồm: - Học phần bắt buộc: 16 tín chỉ (Quản trị chiến lược, Marketing trong quản lý kinh tế, Quản lý tài chính công, Quản lý nhân lực). - Học phần tự chọn: 4 tín chỉ, gồm các môn:	20 tín chỉ, gồm: - Học phần bắt buộc: 16 tín chỉ (Quản trị chiến lược, Quản lý phát triển vùng, Lãnh đạo và đàm phán, Quản lý nguồn nhân lực). - Học phần tự chọn: 4 tín chỉ, gồm các môn:	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh mang tính thực tiễn cao, tập trung vào kỹ năng quản lý tổ chức và phát triển địa phương, nhưng chưa đa dạng các kỹ năng hiện đại như NEU và UEB.

	+ Lãnh đạo (3 tín chỉ) + Đàm phán và quản lý xung đột (3 tín chỉ) + Phát triển vùng và địa phương (3 tín chỉ) + Quản lý chiến lược (3 tín chỉ)	+ Quản lý dự án (3 tín chỉ) + Đổi mới sáng tạo (3 tín chỉ) + Kỹ năng đàm phán trong quản lý (3 tín chỉ) + Phân tích chính sách tài chính (3 tín chỉ)	+ Đổi mới sáng tạo (3 tín chỉ) + Quản lý kinh tế số (3 tín chỉ) + Quản trị tài nguyên doanh nghiệp (3 tín chỉ) + Phân tích rủi ro quản lý (3 tín chỉ)	
Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	15 tín chỉ, tích hợp cả thực tập và luận văn thạc sĩ	10 tín chỉ thực tập riêng, luận văn thạc sĩ: 12 tín chỉ	10 tín chỉ luận văn thạc sĩ (không có thực tập riêng biệt)	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh dành tỷ trọng lớn cho thực tập và đồ án, phù hợp với định hướng ứng dụng thực tiễn tại các tổ chức địa phương.
Báo cáo thực tế	3 tín chỉ	Không có	Không có	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh có thêm học phần "Báo cáo thực tế", hỗ trợ học viên kết nối thực tiễn với lý thuyết, đáp ứng yêu cầu công việc tại các doanh nghiệp.

**BẢNG 4: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ
VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NƯỚC NGOÀI**

Nội dung	Chương trình dạy học trình độ thạc sĩ ngành Quản lý Kinh tế - Đại học Vinh	Chương trình dạy học trình độ thạc sĩ ngành Quản lý Kinh tế - Trường Đại học Oxford Brookes (Anh) https://www.brookes.ac.uk/courses/postgraduate/management/	Chương trình dạy học trình độ thạc sĩ ngành Quản lý Kinh tế - Trường Đại học quốc gia Singapore (NUS) https://mim.nus.edu.sg/	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	61 tín chỉ, bao gồm: 7 tín chỉ chung (2 học phần), 24 tín chỉ cơ sở ngành (8 học phần), 15 tín chỉ chuyên ngành (5 học phần), 15 tín chỉ thực tập và đồ án tốt nghiệp.	180 tín chỉ theo hệ UK, gồm các học phần bắt buộc và tự chọn. 1 tín chỉ UK tương đương với 10 giờ học hoặc 30 giờ tự nghiên cứu.	40 tín chỉ hệ Singapore, gồm 7 học phần bắt buộc và các học phần Đại học Vinh có số tín chỉ tự chọn. Học toàn thời thấp hơn Oxford Brookes gian (1 năm) hoặc bán và NUS. thời gian (2 năm).	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh có số tín chỉ Đại học Vinh có số tín chỉ tự chọn. Học toàn thời thấp hơn Oxford Brookes gian (1 năm) hoặc bán và NUS. thời gian (2 năm).
Thời gian đào tạo	2 năm (4 học kỳ).	1 năm (toàn thời gian) hoặc 2 năm (bán thời gian).	1 năm (toàn thời gian) hoặc 2 năm (bán thời gian).	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh có thời gian đào tạo dài hơn, phù hợp với cấu trúc chương trình trong nước. Các trường quốc tế thiết kế thời gian ngắn hơn, tập trung kỹ năng chuyên sâu.

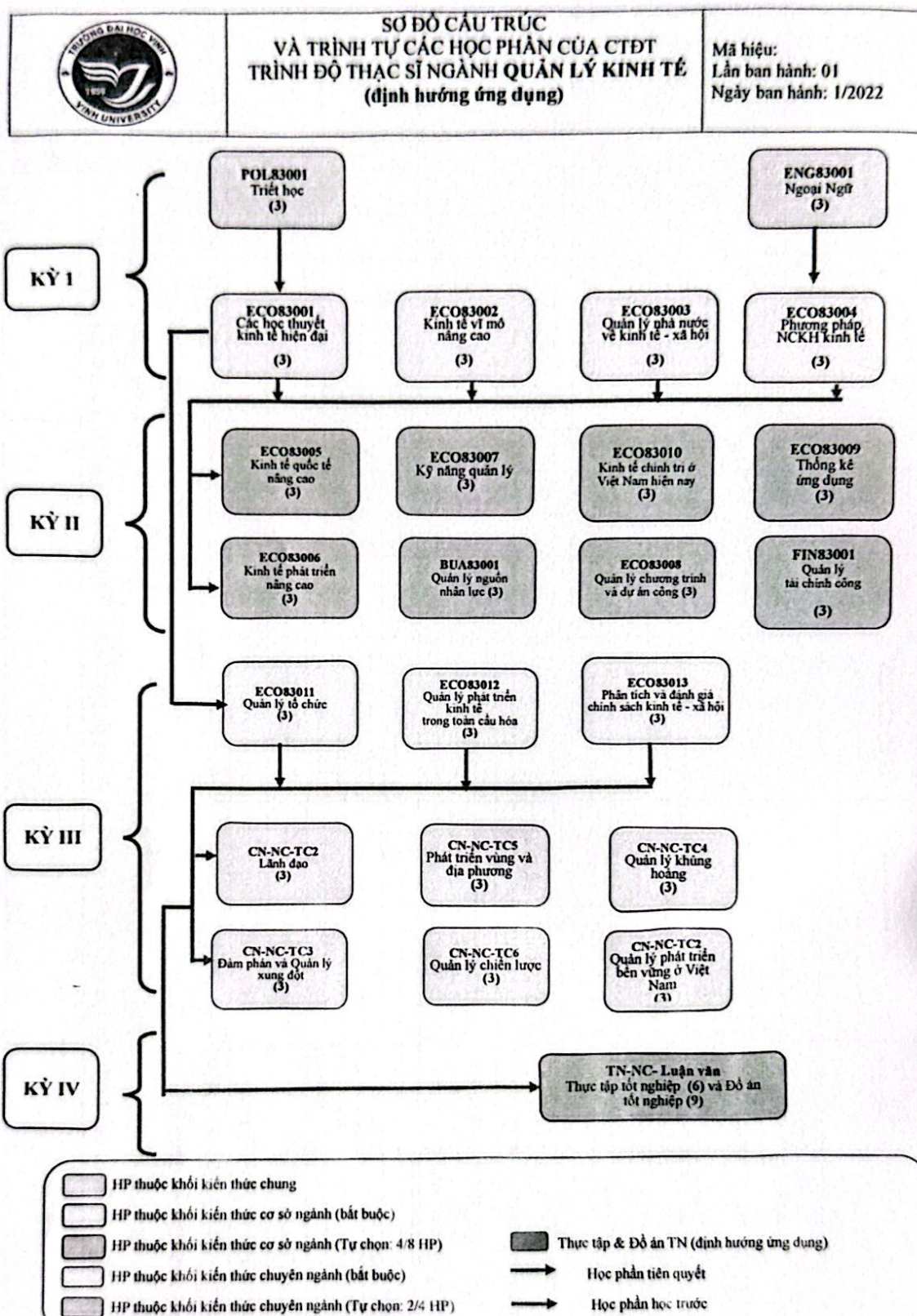
Mục tiêu chương trình	Trang bị kiến thức quản lý kinh tế chuyên sâu, kỹ năng phân biện, lãnh đạo và ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực kinh tế.	Phát triển tư duy quản lý chiến lược, khả năng đổi mới sáng tạo và giải quyết vấn đề trong môi trường kinh doanh quốc tế.	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của kinh tế quốc tế, nhân Đại học Vinh tập trung mạnh khả năng hoạch vào ứng dụng thực tiễn và định chính sách và đổi phát triển kinh tế tại địa mới sáng tạo trong bối phương. trong khi Oxford cạnh toàn cầu hóa. Brookes và NUS nhấn mạnh kỹ năng quốc tế và chiến lược toàn cầu.
Khối kiến thức chung	7 tín chỉ, gồm: Triết học (4 tín chỉ), Ngoại ngữ (3 tín chỉ).	Không có học phần chung bắt buộc; học viên có thể chọn các khóa học nền tảng như Phân tích dữ liệu kinh tế, Tư duy lãnh đạo.	6 tín chỉ, gồm các môn CTDH ngành Quản lý nền tảng như Kinh tế kinh tế trình độ thạc sĩ của quốc tế và Quản lý Đại học Vinh tuân thủ các chiến lược.
Khối kiến thức cơ sở ngành	24 tín chỉ, gồm các học phần như: Kinh tế vĩ mô nâng cao, Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế, Kinh tế quốc tế nâng cao, Thống kê ứng dụng.	60 tín chỉ, gồm các môn: Quản lý chiến lược, Kinh tế lượng, Quản lý thay đổi và đổi mới.	15 tín chỉ, gồm các môn: Quản lý dự án các học phần nghiên cứu quốc tế, Kinh tế phát chuyên sâu như Kinh tế triển, Chính sách kinh lượng và Quản lý thay đổi, tế toàn cầu. trong khi CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh

				nhấn mạnh bối cảnh kinh tế Việt Nam.
Khối kiến thức chuyên ngành	15 tín chỉ, gồm các môn như: Quản lý tổ chức, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế, Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa.	90 tín chỉ, gồm các môn: Quản lý tài chính, Quản lý nguồn nhân lực, Marketing trong kinh doanh.	15 tín chỉ, gồm các môn: Đối mới sáng tạo, Phân tích chính sách tài chính, Quản lý rủi ro.	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh chú trọng các môn chuyên ngành ứng dụng thực tiễn, trong khi các trường quốc tế nhấn mạnh kỹ năng quản lý tài chính và đối mới sáng tạo toàn cầu.
Thực tập và đồ án tốt nghiệp	15 tín chỉ, kết hợp thực tập và đồ án tốt nghiệp, định hướng ứng dụng thực tiễn.	30 tín chỉ, thực tập tại các tổ chức đối tác hoặc nghiên cứu độc lập với sự hướng dẫn từ giảng viên.	10 tín chỉ, đồ án nghiên cứu với chủ đề do học viên tự chọn, tập trung vào kinh tế quốc tế.	CTDH ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Đại học Vinh dành tỷ trọng lớn cho thực tập và đồ án, phù hợp với yêu cầu ứng dụng thực tiễn tại địa phương. Oxford và NUS thiên về nghiên cứu và hoạch định chiến lược.

3.4. BẢNG phân nhiệm CĐR CTĐT cho các CĐR học phần

STT	Nội dung học phần chung	Mã số học phần chung hướng dẫn nghiệp vụ	Tên học phần chung	Tên học phần định hướng ứng dụng	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung				7
	KTC-1		Tổng Anh		3
	KTC-2		Tổng Học		4
II	Kiểm tra tổng hợp sơ đẳng				24
2.2. Các học phần phân bổ theo chuyên ngành	CNS-HH-Chương 1	LCO-RM001	Các học thuyết kinh tế hiện đại		3
	CNS-HH-Chương 2	LCO-RM002	Kinh tế vi mô nâng cao		3
	CNS-HH-Chương 3	LCO-RM003	Quản lý nhà nước và kinh tế - xã hội		3
	CNS-HH-Chương 4	LCO-RM004	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế		3
2.3. Các học phần tự chọn	CNS-TC-Chương 1	LCO-RM005	Kinh tế quốc tế nâng cao		12
	CNS-TC-Chương 2	LCO-RM006	Kinh tế phát triển nông thôn		3
	CNS-TC-Chương 3	LCO-RM007	Kỹ năng quản lý		3
	CNS-TC-Chương 4	HU-KSAD01	Quản lý nguồn nhân lực		3
	CNS-TC-Chương 5	JEN-KR001	Quản lý tài chính công		3
	CNS-TC-Chương 6	LCO-RM008	Quản lý chương trình và dự án công		3
	CNS-TC-Chương 7	LCO-RM009	Thống kê ứng dụng		3
	CNS-TC-Chương 8	LCO-RM010	Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay		3
III	Kiểm tra tổng hợp sơ đẳng				30
3.3. Các học phần phân bổ theo chuyên ngành	CNS-HH-Chương 1	LCO-RM011	Quản lý tổ chức		3
	CNS-HH-Chương 2	LCO-RM012	Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa		3
	CNS-HH-Chương 3	LCO-RM013	Quản lý và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội		3
3.5. Các học phần tự chọn	CN-UD-TC-1		Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội		3
	CN-UD-TC-2		Lãnh đạo trong tổ chức		3
	CN-UD-TC-3		Đàm phán và quản lý xung đột		3
	CN-UD-TC-4		Phát triển văn hóa doanh nghiệp		3
	CN-UD-TC-5		Phát triển vùng và địa phương		3
	CN-UD-TC-6		Quản lý chiến lược		3
IV	Các học phần tốt nghiệp				15
			TN-UD - Thực tập		6
			TN-UD - Đồ án		9

3.5. Cấu trúc và trình tự dạy học học phần



3.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy học viên làm trung tâm, với phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra đã được Trường Đại học Vinh tuyên bố trong các chương trình đào tạo. Chương trình thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại, bám sát mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình, phù hợp với nhu cầu xã hội. Ngoài ra, hàng năm, các giảng viên tại Trường Kinh tế, Khoa Kinh tế cũng tổ chức các seminar chuyên đề, trao đổi các phương pháp giảng dạy đa dạng để thực hiện hiệu quả chương trình đào tạo, khuyến khích học viên nghiên cứu học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu kiến thức, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực tập tốt nghiệp. Các quy định, hướng dẫn và thay đổi trong chương trình dạy và học đều được cập nhật liên tục trên website của Khoa/Viện, Trường Đại học Vinh để học viên nắm bắt kịp thời và thay đổi cho phù hợp, hoặc có thể hỏi đáp trực tuyến qua cổng thông tin này. Trong quá trình học tập, học viên và giảng viên được tương tác qua cổng thông tin học tập trực tuyến LMS, E-learning.

3.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Các phương pháp đánh giá này được xây dựng để phản ánh đầy đủ năng lực của học viên trong các lĩnh vực nghiên cứu, phân tích tình huống kinh tế và giải quyết các vấn đề quản lý phức tạp. Điều này giúp học viên không chỉ hiểu sâu về các lý thuyết kinh tế mà còn có khả năng ứng dụng chúng trong các tình huống thực tế của môi trường quản lý. Nhà trường cũng đã thiết lập một hệ thống đánh giá đa dạng, bao gồm các hình thức tự luận, trắc nghiệm khách quan, thi máy tính, vấn đáp, tiểu luận, thực hành và thực tập, tùy thuộc vào đặc điểm và yêu cầu của từng học phần. Việc áp dụng các hình thức này đảm bảo rằng mỗi học phần đều có phương thức đánh giá phù hợp với mục tiêu đào tạo và tính chất của môn học, đồng thời giúp đánh giá toàn diện năng lực của học viên từ các kỹ năng lý thuyết đến kỹ năng thực hành.

Một điểm đáng chú ý là trong các cải tiến của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý Kinh tế, trọng số của điểm thi cuối học phần đã được điều chỉnh từ 70% xuống 50%, phản ánh sự thay đổi trong cách tiếp cận đánh giá kết quả học tập. Sự thay đổi này giúp học viên có thể phát huy hết khả năng trong suốt khóa học, thay vì chỉ tập trung vào một kỳ thi cuối kỳ, đồng thời cũng khuyến khích học viên học tập và nghiên cứu liên tục, cải thiện kỹ năng và năng lực qua từng học phần. Ngoài ra, để đảm bảo chất lượng và tính khách quan trong công tác đánh giá, Nhà trường cũng đã xây dựng quy định chi tiết về việc phát triển ngân hàng đề thi, bao gồm bản đặc tả ma trận ngân hàng đề thi.

3.8. Mô tả tóm tắt các học phần

(1) TRIẾT HỌC

Học phần được kết cấu thành 11 chương, trình bày khái quát lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và lịch sử triết học Mác - Lênin; trình bày các chuyên đề triết học.

(2) NGOẠI NGỮ

Ngoại ngữ là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo thạc sĩ của tất cả các chuyên ngành. Được bố trí giảng dạy trong học kỳ đầu của khoá đào tạo.

(3) KINH TẾ VĨ MÔ NÂNG CAO

Học phần thuộc kiến thức nâng cao kinh tế học vĩ mô và được sử dụng trong nghiên cứu các môn học chuyên ngành. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại. Cung cấp cho học viên nền tảng tri thức kinh tế học và chuyên sâu kinh tế học vĩ mô, khung khổ phân tích định lượng các hiện tượng, quá trình kinh tế trên quy mô tổng thể của nền kinh tế quốc dân. Học viên phải có kiến thức kinh tế tổng hợp, như lịch sử các học thuyết kinh tế hiện đại, kiến thức toán học.

(4) QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về QLNN về kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam. Hiểu và nắm vững quan điểm, đường lối đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của Đảng, nhà nước Việt Nam trong thực tiễn hiện nay, vận dụng sáng tạo trong hoạt động thực tiễn của mỗi học viên.

(5) PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình cao học Quản lý kinh tế. Trang bị những phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung; kỹ năng tiếp cận các vấn đề kinh tế; giới thiệu các phương pháp định tính và định lượng, kỹ năng xử lý và phân tích số liệu; thiết bị hiện đại trợ giúp nghiên cứu khoa học cơ bản; thiết kế các mô hình phân tích kinh tế; xử lý thông tin trợ giúp của nhiều công cụ hiện đại.

(6) KINH TẾ QUỐC TẾ NÂNG CAO

Vị trí môn học: thuộc học phần kiến thức tự chọn, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế, tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu Quản lý kinh tế. Trang bị những tri thức kinh tế chuyên sâu về các lý luận kinh tế trong giao dịch quốc tế, kinh tế đối ngoại. Học viên phải có kiến thức về Kinh tế học vĩ mô và vi mô; kiến thức về ngoại thương, quan hệ kinh tế đối ngoại.

(7) KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÂNG CAO

Thuộc học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn. Những kiến thức học phần này có quan hệ mật thiết với các học phần khác trong chương trình của cao học Kinh tế. Nó góp phần tích cực tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu Quản lý kinh tế. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại. Cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế học phát triển. Giúp cho học viên có phương pháp nghiên cứu, tiếp cận vấn đề một cách khoa học và có kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị

vào các hoạt động thực tiễn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế theo hướng bền vững. Nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh tiên phong gương mẫu trong việc tích cực góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

(8) QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

Đây là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở tự chọn. Học phần này được thiết kế nhằm nâng cao việc nhận thức về tầm quan trọng của yếu tố con người và việc quản lý hiệu quả nguồn nhân lực của một tổ chức. Nội dung của học phần cung cấp những kiến thức bổ trợ giúp học viên nghiên cứu sâu những nội dung trong chuyên ngành Quản lý kinh tế như quản lý nguồn nhân lực, tạo động lực lao động. Mục tiêu tổng quát của học phần này là trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về quản trị nhân sự, qua đó giúp cho những nhà quản trị tương lai phát triển và khai thác hiệu quả nguồn lực: “con người” của tổ chức, và qua đó sử dụng tốt tất cả những nguồn lực sẵn có trong tổ chức. Học phần sẽ giúp học viên nhận thức đúng đắn vai trò của con người và ý nghĩa quan trọng của quản lý nguồn nhân trong một tổ chức.

Học phần sẽ tập trung trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về các hoạt động của công tác quản lý nguồn nhân lực (phân tích công việc, kế hoạch hóa nhân lực, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá thực hiện công việc, thù lao lao động) giúp học viên cao học có được kiến thức toàn diện hơn, qua đó ứng dụng kiến thức của những học phần khác vào thực tiễn mang tính đồng bộ và có hiệu quả hơn.

(9) QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG

Vị trí môn học thuộc học phần kiến thức tự chọn, cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý tài chính công tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu quản lý kinh tế. Trang bị cho học viên công cụ phân tích tài chính, tiền tệ với tư cách các công cụ trực tiếp tác động tới mọi hiện tượng, quá trình kinh tế, trang bị hệ thống tri thức và các mô hình kinh tế liên quan tới quy luật vận động của các nguồn lực tài chính, tiền tệ. Học viên phải có kiến thức cơ bản về Kinh tế học vĩ mô, vi mô; Kinh tế học công cộng; kiến thức nhất định về tiền tệ, ngân hàng, ngân sách nhà nước và chứng khoán.

(10) QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN CÔNG

Đây là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở tự chọn. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị những kiến thức nâng cao về quản lý một chương trình và dự án đầu tư công. Giúp người học nắm bắt được các khái niệm, cách phân loại hoạt động đầu tư và dự án đầu tư công, chu kỳ thực hiện dự án, các bước nghiên cứu và lập dự án đầu tư công; Tổ chức quản lý dự án đầu tư công; Đánh giá hiệu quả và quản lý chi phí các chương trình và dự án đầu tư công. Mục tiêu tổng quát của học phần này là trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng về quản lý các chương trình và dự án đầu tư công.

Học phần sẽ tập trung trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về các hoạt động của công tác tổ chức quản lý chương trình và dự án đầu tư công, giúp học viên cao học có được kiến thức toàn diện hơn, qua đó ứng dụng kiến thức của những học phần khác vào thực tiễn quản lý chương trình và dự án đầu tư công ở Việt Nam.

(12) QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG

Vị trí của học phần: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức về Quản lý tổ chức, Kỹ năng quản lý, Quản lý nhà nước về kinh tế; quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa và các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá. Trang bị cho học viên những kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về quá trình xử lý khủng hoảng, quản lý các vấn đề về khủng hoảng trong tổ chức, công tác phòng ngừa khủng hoảng, truyền thông khủng hoảng, lập kế hoạch quản lý khủng hoảng.

(13) CÁC NHÀ QUẢN LÝ KINH TẾ TIÊU BIỂU

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế, đặc biệt những kinh nghiệm quản lý kinh tế của các nhà quản lý thành công. Vận dụng tư tưởng quản lý kinh tế trong bối cảnh tiếp tục thúc đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nội nhập kinh tế của Việt Nam. Hiểu và nắm vững các tư tưởng quản lý kinh tế của một số nhà quản lý thành đạt trên thế giới. Vận dụng sáng tạo những tư tưởng quản lý kinh tế dựa trên quan điểm, đường lối đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế của Đảng, nhà nước ta trong thực tiễn hiện nay, vận dụng sáng tạo trong hoạt động thực tiễn quản lý kinh tế bản thân.

(14) KỸ NĂNG QUẢN LÝ

Đây là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở tự chọn. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị những kiến thức nâng cao về các kỹ năng quản lý như: tự nhận thức, quản trị căng thẳng cá nhân, giải quyết vấn đề theo kiểu phân tích và sáng tạo, kỹ năng huấn luyện, tư vấn và truyền thông hỗ trợ; hiểu rõ tầm quan trọng và sự cần thiết phải tạo dựng quyền lực và ảnh hưởng; vai trò của động cơ thúc đẩy, cách thức quản lý xung đột, xây dựng và làm việc nhóm hiệu quả. Môn học rèn luyện kỹ năng quản lý, một lĩnh vực kỹ năng tác dụng hữu ích trong phạm vi đa dạng các tổ chức, giúp người học có khả năng thể hiện hành vi hiệu quả thực tiễn cuộc sống, hoạt động kinh doanh và phát triển nghề nghiệp. Môn học giúp người học nhận diện kỹ năng thông qua các trắc nghiệm, hiểu biết và định hướng thay đổi hành vi thông qua việc học tập các hành vi phù hợp với tính hiệu quả trong các lĩnh vực kỹ năng, giúp người học rèn luyện nâng cao kỹ năng quản lý.

(15) QUẢN LÝ TỔ CHỨC

Đây là môn học thuộc phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Môn học nghiên cứu các vấn đề về quản lý tổ chức như: bản chất và đặc trưng của quản lý; các khuynh hướng phát triển chủ yếu của khoa học quản lý hiện đại; các phương pháp, phong cách, nghệ thuật quản lý trong quá trình quản lý theo chức năng và quản lý theo lĩnh vực. Trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về quản lý tổ chức; chú trọng vào các phẩm chất, năng lực cần có của người quản lý; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; các quan điểm tiếp cận mới đối với quá trình quản lý theo chức năng và quản lý theo lĩnh vực, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập quốc tế sâu rộng

(16) QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TOÀN CẦU HÓA

Với thời lượng 3 tín chỉ trong quá trình nghiên cứu môn học, học viên đã nắm cơ bản kiến thức về quản lý kinh tế. Môn học sẽ cụ thể hóa các chiến lược quản lý kinh tế của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Bổ sung những kiến thức cần thiết để người học có thể tổ chức và triển khai công tác quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Môn học Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa là tài liệu giảng dạy cung cấp kiến thức cho học viên về các chiến lược quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu; hoạch định, kiểm soát, quản lý chiến lược...

(17) PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH KINH TẾ

Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức Quản lý Nhà nước về kinh tế - xã hội, Quản lý công, Kinh tế vĩ mô nâng cao; các kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá. Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ lãnh đạo, quản lý trong bộ máy của Đảng và Nhà nước. Trang bị cho học viên những kỹ năng và phương pháp luận chuyên sâu về chính sách kinh tế - xã hội, phân tích, đánh giá và lựa chọn chính sách hiệu quả để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế.

(18) QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Vị trí của học phần: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức về Quản lý tổ chức, Kinh tế phát triển nâng cao, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước về kinh tế; các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá. Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ quản lý nhà nước. Trang bị cho học viên những kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về quá trình thiết lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội lãnh thổ và quy hoạch phát triển ngành. Từ đó các học viên có thể vận dụng các kiến thức để tham gia thực hiện công tác lập quy hoạch trong lĩnh vực công tác của mình.

(19) LÃNH ĐẠO

Môn học cung cấp cho người học những tri thức lý luận về lãnh đạo, nghệ thuật lãnh đạo, những kỹ năng và phẩm chất để trở thành nhà lãnh đạo thành công, lãnh đạo trong quản lý kinh tế ở Việt Nam. Môn học nhằm giúp cho người học hiểu được những tri thức lý luận về lãnh đạo trong quản lý kinh tế, nghệ thuật lãnh đạo, phát triển nhà lãnh đạo. Trên cơ sở đó có khả năng nghiên cứu, ứng dụng kỹ năng lãnh đạo để trở thành một nhà lãnh đạo thành công.

(20) ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT

Môn học cung cấp cho người học những tri thức lý luận về đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán quản lý và kinh doanh: các nội dung về bản chất đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán, kỹ năng đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán, quá trình đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán. Vận dụng các kiến thức về đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán để nghiên cứu các môn học khác trong quản lý kinh tế. Môn học giúp người học áp dụng được tri thức về đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán vào các hoạt động quản lý kinh tế. Đồng thời, phân tích được các vấn đề liên quan đến đàm phán và quản lý xung đột trong các hoạt động quản lý kinh tế.

(21) QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI VÀ ĐỔI MỚI

Học phần Quản lý sự thay đổi và đổi mới trang bị cho học viên cao học chuyên ngành Quản lý kinh tế hệ thống tri thức về những vấn đề chung của sự thay đổi và quản trị sự thay đổi và đổi mới trong tổ chức. Giúp học viên nhận thức được những vấn đề trong quản lý thay đổi và đổi mới tổ chức, các mô hình quản lý thay đổi phổ biến trên thế giới, cách thức quản trị quá trình chuyển tiếp trong tổ chức và cách thức tiến hành đổi mới tổ chức nhằm bắt kịp với sự biến đổi nhanh chóng của nền kinh tế trong nước và nền kinh tế thế giới gây ra bởi những tác động sâu rộng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

(22) QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

Là học phần chuyên ngành tự chọn, trang bị cho học viên những kiến thức về phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam, (tiến trình, khái niệm, nội dung và các nguyên tắc phát triển kinh tế bền vững; Các tiêu chí đánh giá tính bền vững; Chiến lược phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam). Giúp học viên có hệ thống tri thức tổng hợp và toàn diện về phát triển kinh tế bền vững của các khía cạnh trong đời sống xã hội loài người. Học viên phải có kiến thức kinh tế tổng hợp, như lịch sử các học thuyết kinh tế hiện đại, kinh tế học nâng cao, kinh tế phát triển.

(23) QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC

Đây là học phần tự chọn chuyên ngành của chương trình đào tạo cao học chuyên ngành Quản lý kinh tế. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chiến lược và quản lý chiến lược trong tổ chức. Môn học nghiên cứu cụ thể nội dung quá trình hoạch định, tổ chức và kiểm soát chiến lược. Các mô hình, công cụ và phương pháp phân tích, đánh giá chiến lược trong mọi loại hình tổ chức. Là học phần tự chọn, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chiến lược và quản lý chiến lược trong tổ chức. Giúp học viên có khả năng vận dụng linh hoạt và sáng tạo các công cụ phân tích, đánh giá chiến lược; có khả năng phân tích, đánh giá, dự báo, đề xuất được các mục tiêu và giải pháp phát triển của tổ chức trong dài hạn một cách có hiệu quả và bền vững.

PHẦN 4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ

Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ

TT	Họ và tên, năm sinh, Chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích NCKH	Tham gia giảng dạy học phần
1	Nguyễn Thị Thu Cúc Năm sinh: 1978 Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Vinh	PGS, 2022	TS Việt Nam 2015	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng	Đã tham gia đào tạo ThS. 7 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường, 01 đề tài nhánh cấp Nhà nước, tham gia 02 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp tỉnh; viết 01 giáo trình, 02 sách chuyên khảo, 03 sách tham khảo và 52 bài báo khoa học	Quản lý tài chính công
2	Thái Thị Kim Oanh Năm sinh: 1979 Hiệu trưởng Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	PGS 2022	TS Việt Nam 2015	Quản lý kinh tế	Đã tham gia đào tạo ThS. 7 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 03 đề tài cấp trường, 01 đề tài nhánh cấp Nhà nước, Tham gia 06 đề tài các cấp; Viết 05 giáo trình, 01 sách và 63 bài báo khoa học	- Quản lý tổ chức - Phân tích chính sách kinh tế xã hội - Quản lý chiến lược
3	Nguyễn Thị Minh Phượng Năm sinh: 1978 Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	PGS, 2020	TS. Việt Nam, 2012	Kinh tế phát triển	Đã tham gia đào tạo ThS. 10 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp tỉnh, 01 đề tài cấp Trường. Tham gia 06 đề tài các cấp; Viết 06 sách, 02 giáo trình và 58 bài báo khoa học	- Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế - Kinh tế phát triển nâng cao - Kinh tế vĩ mô nâng cao

4	Trần Thị Hoàng Mai Năm sinh: 1979 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	PGS, 2022	TS. Việt Nam 2016	Quản lý kinh tế	Đã tham gia đào tạo ThS. 6 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 04 cấp trường, 01 đề tài cấp tỉnh và tham gia 02 đề tài cấp Trường; Viết 05 giáo trình, 02 sách và 31 bài báo khoa học	- Quản lý nhà nước về kinh tế xã hội - Quản lý tổ chức - Phân tích chính sách kinh tế xã hội - Kỹ năng quản lý
5	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh Năm sinh: 1983 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2017	Quản lý kinh tế	Đã tham gia đào tạo ThS. 5 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 04 đề tài cấp trường, Tỉnh, Viết 04 giáo trình và 27 bài báo khoa học	- Quản lý nhà nước về kinh tế xã hội - Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá - Đàm phán và Quản lý xung đột
6	Đào Quang Thắng Năm sinh: 1979 Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2019	Quản lý kinh tế	Đã tham gia đào tạo ThS. 3 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp trường, tham gia 01 đề tài cấp trường; Viết 03 giáo trình và 23 bài báo khoa học	- Quản lý nhà nước về kinh tế xã hội - Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá
7	Nguyễn Thị Thúy Vinh Năm sinh: 1977 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2014	Kinh tế phát triển	Đã tham gia đào tạo ThS. 8 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp Trường; Viết 01 sách, 01 giáo trình và 11 bài báo khoa học	- Kinh tế phát triển nâng cao - Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế
8	Nguyễn Thị Bích Liên Năm sinh: 1982	GV	TS. Việt Nam	Kinh tế phát triển	Đã tham gia đào tạo ThS. 5 năm,	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường,	- Kinh tế phát triển nâng cao

	Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh		2017		Trường ĐH Vinh	Tham gia 06 đề tài cấp trường, Bộ; Viết 02 sách, 04 giáo trình và 27 bài báo khoa học	- Kinh tế vĩ mô nâng cao - Kinh tế quốc tế nâng cao
9	Nguyễn Thị Hải Yến Năm sinh: 1980 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2017	Kinh tế chính trị	Đã tham gia đào tạo ThS. 5 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 04 đề tài cấp Trường, Tham gia 05 đề tài cấp trường, tỉnh, Bộ, trường; Viết 06 sách, 02 giáo trình và 21 bài báo khoa học	- Các học thuyết kinh tế hiện đại - Kinh tế vĩ mô nâng cao - Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay
10	Lê Vũ Sao Mai Năm sinh: 1983 Trưởng khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2019	Kinh tế đầu tư	Đã tham gia đào tạo ThS. 3 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Trường, Tham gia 05 đề tài cấp trường, Bộ; Viết 01 sách và 16 bài báo khoa học	- Quản lý đầu tư công - Phát triển vùng và địa phương
11	Trần Thị Thanh Thủy Năm sinh: 1983 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2020	Kinh tế học (Kinh tế phát triển)	Đã tham gia đào tạo ThS. 2 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 03 đề tài cấp trường, tham gia 07 đề tài cấp trường; 01 giáo trình, 03 sách và 18 bài báo khoa học	- Thống kê ứng dụng - Quản lý đầu tư công - Kinh tế phát triển nâng cao
12	Trần Thị Thanh Tâm Năm sinh: 1987 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2021	Kinh tế học	Đã tham gia đào tạo ThS. gần 2 năm, Trường ĐH Vinh	Tham gia 03 đề tài cấp trường; viết 01 giáo trình và 13 bài báo khoa học	- Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế - Kinh tế quốc tế nâng cao - Phát triển vùng và địa phương

13	Hồ Mỹ Hạnh Năm sinh: 1977 Phó trưởng Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2014	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 7 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Trường. Viết 1 sách, 3 giáo trình và 12 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp
14	Phạm Thị Thủy Hằng Năm sinh: 1839 Trưởng Bộ môn Kế toán Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2015	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 6 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 02 đề tài cấp Tỉnh Viết 02 sách, 01 giáo trình và 21 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp
15	TS. Đường Thị Quỳnh Liên Năm sinh: 1979 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2018	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 3 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh, Viết 02 sách, 02 giáo trình và 19 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp
16	Nguyễn Thị Thanh Hòa Năm sinh: 1981 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2018	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 3 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh, Viết 02 sách, 02 giáo trình và 19 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp
17	Nguyễn Hoàng Dũng Năm sinh: 1980 Phó khoa Đào tạo trực tuyến, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2018	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 3 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh, Viết 02 sách, 02 giáo trình và 19 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp

18	Nguyễn Thị Hạnh Duyên Năm sinh: 1981 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2017	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 4 năm, Trường ĐH Vinh	Chức nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, Viết 01 sách, 03 giáo trình và 12 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp
19	Đặng Thủy Anh Năm sinh: 1982 Giảng viên, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2018	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 3 năm, Trường ĐH Vinh	Chức nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh, Viết 02 sách, 02 giáo trình và 19 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp
20	TS. Phạm Thị Kim Yến Năm sinh: 1986 Giảng viên, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2019	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 2 năm, Trường ĐH Vinh	Chức nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh, Viết 02 sách, 02 giáo trình và 19 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp
21	TS. Nguyễn Thị Bích Thủy Năm sinh: 1986 Giảng viên, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2019	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 2 năm, Trường ĐH Vinh	Chức nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh, Viết 02 sách, 02 giáo trình và 19 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp
22	Nguyễn Thị Mai Lê Năm sinh: 1987 Giảng viên Khoa Kế toán, trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS Việt Nam 2022	Kế toán	Đã tham gia đào tạo ThS. 1 năm, Trường ĐH Vinh	Tham gia 02 đề tài cấp trường; tham gia viết 02 giáo trình và 16 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp
23	Đinh Trung Thành Năm sinh: 1970 Giám đốc TTGDIX, Trường Đại học Vinh	PGS, 2017	TS. Việt Nam, 2009	Kinh tế chính trị	Đã tham gia đào tạo ThS. 12 năm, Trường ĐH Vinh	Chức nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, 07 đề tài cấp Trường; Viết 5 sách tham khảo, 05 giáo trình và 60 bài báo khoa học.	- Các học thuyết kinh tế hiện đại - Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay

24	Hồ Thị Diệu Ánh Năm sinh: 1979 Trưởng khoa QTKD, trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2015	Quản trị nhân lực	Đã tham gia đào tạo ThS. 7 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, Chủ nhiệm 04 đề tài cấp Trường, Tham gia 02 đề tài cấp trường, Bộ, Viết 03 giáo trình, 02 sách và 27 bài báo khoa học	Quản trị nguồn nhân lực
25	Trần Quang Bách Năm sinh: 1986 Phó trưởng khoa QTKD, trường Kinh tế, trường Đại học Vinh	GV	TS Việt Nam 2022	Quản trị kinh doanh	Đã tham gia đào tạo ThS. 1 năm, Trường ĐH Vinh	03 chủ nhiệm đề tài cấp Bộ, Trường, tham gia 07 đề tài cấp trường; Bộ; 01 sách, 02 giáo trình và 34 bài báo khoa học trong và ngoài nước	Quản trị nguồn nhân lực
26	Trần Lê Na Năm sinh: 1983 Phó trưởng khoa QTKD, trường Kinh tế, trường Đại học Vinh	GV	TS Việt Nam 2022	Quản trị kinh doanh	Đã tham gia đào tạo ThS. 1 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp trường, tham gia 11 đề tài cấp trường; tham gia viết 02 giáo trình và 16 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp
27	Hoàng Thị Cẩm Thương Năm sinh: 1987 Khoa QTKD, trường Kinh tế, trường Đại học Vinh	GV	TS Việt Nam 2023	Quản trị kinh doanh	Đã tham gia đào tạo ThS. 1 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp trường, tham gia 08 đề tài cấp trường; viết 12 bài báo khoa học	- Quản lý chiến lược
28	Trần Văn Hào Năm sinh: 1978 Khoa QTKD, trường Kinh tế, trường Đại học Vinh	GV	TS Việt Nam 2023	Quản trị kinh doanh	Đã tham gia đào tạo ThS. Hơn 3 tháng, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp trường và tham gia 01 đề tài cấp Bộ; 07 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp
29	Đặng Thành Cường Năm sinh: 1980	GVC	TS. Việt Nam	Kinh tế Tài chính -	Đã tham gia đào tạo ThS. 10 năm,	Chủ nhiệm 1 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp Trường; viết 02	- Quản lý tài chính công

	Trưởng khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh		2012	Ngân hàng	Trường ĐH Vinh	giáo trình, 03 sách và 20 bài báo khoa học	
30	Ngô Hồng Nhung Năm sinh: 1986 Giảng viên Khoa TCNH, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2018	Tài chính - Ngân hàng	Đã tham gia đào tạo ThS. 4 năm, Trường ĐH Vinh	Tham gia 03 đề tài cấp trường, 01 giáo trình và 13 bài báo khoa học	- Quản lý tài chính công
31	Trần Thị Lưu Tâm Năm sinh: 1986 Giảng viên Khoa TCNH, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2019	Tài chính - Ngân hàng	Đã tham gia đào tạo ThS. 3 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 và tham gia 03 đề tài cấp trường; Viết 02 giáo trình và 21 bài báo khoa học.	- Quản lý tài chính công
32	Trịnh Thị Hằng Năm sinh: 1986 Giảng viên Khoa TCNH, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2020	Tài chính - Ngân hàng	Đã tham gia đào tạo ThS. 2 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp trường, Tham gia 05 đề tài cấp trường, Bộ; Viết 1 giáo trình và 17 bài báo khoa học	- Quản lý tài chính công
33	Hoàng Thị Thanh Huyền Năm sinh: 1985 Giảng viên Khoa TCNH, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2020	Tài chính - Ngân hàng	Đã tham gia đào tạo ThS. 2 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp trường. Tham gia 02 đề tài cấp trường; Tham gia viết 01 giáo trình. Viết 13 bài báo khoa học.	- Quản lý tài chính công
34	Hoàng Thị Việt Năm sinh: 1988	GV	TS. Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Đã tham gia đào tạo ThS. 2 năm,	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp trường, tham gia 04 đề tài cấp trường;	- Quản lý tài chính công

	Giảng viên Khoa TCNH, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh		2021		Trường ĐH Vinh	tham gia 1 giáo trình và 17 bài báo khoa học	
35	Nguyễn Thị Bích Thủy Năm sinh: 1986 Giảng viên Khoa TCNH, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS Việt Nam 2021	Tài chính - Ngân hàng	Đã tham gia đào tạo ThS. 2 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 và tham gia 02 đề tài cấp trường; chủ biên 01 sách, tham gia 02 giáo trình và 24 bài báo khoa học	- Quản lý tài chính công
36	Bành Thị Thảo Năm sinh: 1989 Giảng viên Khoa TCNH, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS Việt Nam 2023	Tài chính - Ngân hàng	Đã tham gia đào tạo ThS gần 3 tháng	Chủ nhiệm 01 và tham gia 04 đề tài cấp trường; tham gia viết 01 giáo trình và 14 bài báo khoa học	- Quản lý tài chính công
37	Ngô Thị Khánh Linh Năm sinh: 1988 Giảng viên Khoa Kế toán, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS Việt Nam 2023	Kế toán		Chủ nhiệm 01 và tham gia 04 đề tài cấp trường; tham gia viết 01 giáo trình và 18 bài báo khoa học	- Hướng dẫn báo cáo thực tập và đồ án tốt nghiệp

PHẦN 5. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ

Trường Đại học Vinh có Cơ sở chính tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trong những năm qua, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, Nhà trường đã có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập.

Quy hoạch đất để xây dựng Trường đã được phê duyệt là 130 ha, trong đó diện tích đã được xây dựng và đưa vào sử dụng là 44,12 ha.

Hiện nay, Trường có 5 cơ sở:

+ *Cơ sở 1* tại số 182 đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 14 ha. Đây là nơi tập trung hệ thống quản lý nhà trường, văn phòng làm việc của các đơn vị trong trường, hệ thống phòng học, các phòng thí nghiệm - thực hành, thư viện, ký túc xá, trạm y tế, sân vận động, nhà tập đa năng...

+ *Cơ sở 2*: Hiện tại là nơi đào tạo của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Khoa Giáo dục Thể chất, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh, Làng sinh viên tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với diện tích đã đưa vào sử dụng là 19,2 ha.

+ *Cơ sở 3*: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản mặn - lợ tại xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 9,3 ha.

+ *Cơ sở 4*: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản nước ngọt tại thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; diện tích 1,4 ha.

+ *Cơ sở 5*: Khu Ký túc xá sinh viên tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích 0,6 ha.

Trường Đại học Vinh được đánh giá là cơ sở giáo dục đại học có cơ sở vật chất vào tốp đầu của cả nước. Trường có: 10 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 đến 200 chỗ; 85 phòng học từ 50 đến 100 chỗ; 155 phòng học dưới 50 chỗ; 16 phòng học đa phương tiện; 78 phòng làm việc của các đơn vị chức năng; 14 phòng làm việc của GS, PGS, giảng viên cơ hữu; 2 thư viện, trung tâm học liệu; 3 trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập. Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ tiện nghi cho giảng dạy và học tập.

Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào là thư viện lớn nhất khu vực Bắc miền Trung, là một tòa nhà 7 tầng với diện tích sàn gần 9.000 m² gồm không gian học tập tầng 1, 6 phòng học, 1 phòng xử án mô phỏng, 3 phòng máy tính, 8 kho sách và phòng đọc với gần 1.500 chỗ ngồi. Thư viện hiện nay có hệ thống mượn - trả sách tự động; hệ thống trả sách 24/7; hệ thống máy tính; phần mềm quản lý thư viện Kipos; máy scan - số hóa. Không gian học tập với đầy đủ các phương tiện hiện đại, máy tính kết nối mạng cho sinh viên tự học, đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo tiếp cận theo CDIO. Tài liệu gồm có 16.118 tên với 175.095 cuốn; 16.191 luận văn thạc sĩ và 4.652 luận án tiến sĩ. Thư viện số tại địa chỉ <http://thuvien.vinhuni.edu.vn/> cung cấp 21.021 tài liệu; trong đó tạp chí khoa học nước ngoài có thể truy cập cơ sở dữ liệu điện tử Proquest Center và các cơ sở dữ liệu điện tử khác có liên kết.

Trường có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, bao gồm: Hệ thống hạ tầng mạng gồm trục kết nối 15 tòa nhà bằng 5 đường truyền với độ dài gần 10km đảm bảo tốc độ kết nối 1Gbps cho hơn 1.000 máy tính của Nhà trường. Hệ thống mạng wifi với hơn 250 điểm truy cập được lắp đặt trong khuôn viên Nhà trường, các phòng học, phòng thí nghiệm, sân chơi, bãi tập, ký túc xá... hiện đang phục vụ miễn phí cho cán bộ và sinh viên. Hệ thống camera được lắp đặt tại các vị trí, góp phần đảm bảo công tác an ninh, trật tự trong Nhà trường.

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm với 50 phòng thí nghiệm được quy hoạch phù hợp với các ngành đào tạo theo tiếp cận CDIO, trang thiết bị hiện đại, được bổ sung thường xuyên. Ngoài ra, Trường còn có xưởng thực tập, thực hành hiện đại; phòng thực hành nhạc họa; vườn ươm, ao nuôi thực nghiệm đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Đặc biệt, Trường Đại học Vinh đã xây dựng được hệ thống các "*phòng thí nghiệm phổ thông*" khá hoàn chỉnh để phục vụ đào tạo sinh viên khối ngành đào tạo giáo viên.

Ký túc xá sinh viên có 775 phòng ở, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho hơn 4.200 học sinh, sinh viên, học viên; trong đó: Ký túc xá Cơ sở I có 315 phòng ở; Khu nhà ở Hưng Bình có 136 phòng ở; Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh có 84 phòng ở và Làng Sinh viên Cơ sở II có 240 phòng ở. Cơ sở vật chất tại Ký túc xá được đầu tư khang trang, sạch đẹp, các phòng đều có máy nước nóng lạnh, điều hòa nhiệt độ... an ninh trật tự được đảm bảo.

Trạm Y tế của Trường được bố trí khuôn viên riêng, có 8 phòng làm việc với đội ngũ 11 y, bác sỹ, với đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và thuốc, vật tư y tế đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám, chữa bệnh cho cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên trong Trường.

Nhà ăn cho cán bộ, sinh viên được xây dựng, tổ chức ở cả Cơ sở I và Cơ sở II của Nhà trường, phục vụ chủ yếu cho hơn 1.000 sinh viên ở tập trung trong các Ký túc xá sinh viên. Nhà ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng suất ăn, khẩu phần ăn của sinh viên theo quy định; niêm yết thực đơn bữa ăn của từng ngày, giá cả đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, văn phòng phẩm phục vụ sinh viên tại các quầy bán hàng.

Ngoài cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu, sinh hoạt, Nhà trường còn có hệ thống sân chơi, bãi tập phục vụ đào tạo ngành Giáo dục Thể chất và môn Thể dục thể thao cho sinh viên toàn Trường. Đây cũng là nơi tổ chức các giải thể thao của cán bộ, sinh viên; nơi để cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh rèn luyện thể chất, rèn luyện sức khỏe.

(2). Hiện tại, Thư viện có kết nối các bộ cơ sở dữ liệu để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường gồm: STD - Tài liệu KH&CN Việt Nam; KQNC - Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu; PROQUEST CENTRAL; IG Publishing, bộ sưu tập sách điện tử về Giáo dục và các chủ đề đa ngành có liên quan (khai thác tại các máy tính trong hệ thống mạng của Trường Đại học Vinh); CSDL InfoSci, bộ sưu tập trên 300 sách điện tử về Giáo dục và các chủ đề đa ngành có liên quan (khai thác tại các máy tính trong hệ thống mạng của Trường Đại học

Vinh); CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI - <https://lic.vnu.edu.vn> (Username: vinhuni.lib; Pass: libnth); CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ; CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN HÀ NỘI - CSDL điện tử đa ngành: <https://journals.sagepub.com>; CSDL chuyên ngành KT: <https://www.emerald.com>; Cơ sở dữ liệu tài nguyên thông tin TAILIEU.VN; Cơ sở dữ liệu tài nguyên số trên hệ thống Thư viện số dùng chung thuộc Hiệp Hội Thư viện đại học, cao đẳng Việt Nam.

(3). Thư viện đã xây dựng tập văn bản nội bộ quy định về việc sử dụng, khai thác cơ sở vật chất trang thiết bị và hệ thống Thư viện điện tử/Thư viện số

(4). Số lượt bạn đọc đến học tập và nghiên cứu thư viện truyền thống từ: 500-800 lượt/ngày; Số lượt bạn đọc khai thác tài nguyên thư viện số từ: 200-500 lượt/ngày

(5). Thư viện sử dụng phần mềm quản trị Thư viện điện tử/Thư viện số - KIPOS có các tính năng mượn/trả, gia hạn mượn tài liệu trực tuyến đáp ứng nhu cầu bạn đọc.

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng
1	Phòng học	282
2	Phòng học có máy chiếu	192
3	Phòng học tiếng nước ngoài	8
4	Phòng học máy tính	18
5	Phòng học có kết nối trực tuyến	57
6	Phòng học online	16
7	Phòng thực hành thí nghiệm	76
8	Phòng làm việc	68
9	Phòng seminar và sinh hoạt bộ môn	Mỗi khoa có 1 phòng
10	Phòng họp	Có 2 phòng họp lớn
11	Hội trường	1 hội trường lớn
12	Thư viện	1 toà nhà 7 tầng
	<i>Thư viện điện tử</i>	<i>Có hệ thống thư viện điện tử</i>
	<i>Hệ thống mượn sách tự động</i>	<i>Có hệ thống mượn sách tự động</i>
	<i>Phòng học</i>	<i>6</i>
	<i>Hội trường</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng máy tính</i>	<i>3</i>
	<i>Kho sách</i>	<i>9</i>
	<i>Phòng đọc</i>	<i>6</i>
	<i>Chỗ ngồi</i>	<i>2000</i>
	<i>Giáo trình</i>	<i>26.000 với 200.000 bản</i>
	<i>Tạp chí</i>	<i>129 loại</i>
	<i>Luận án và luận văn</i>	<i>16.500</i>
	<i>Tài liệu, giáo trình điện tử</i>	<i>16.000</i>

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng
	Bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến	5
13	Trung tâm đào tạo Ngân hàng, Chứng khoán và doanh nghiệp mô phỏng	1
14	Hệ thống công nghệ thông tin dùng cho quản lý	Có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho quản lý e-office, CMC, LMS
15	Máy vi tính để bàn	1.046
	Máy tính phục vụ giảng dạy	716
	Máy tính phục vụ công tác quản lý	330
16	Máy tính xách tay	Trang bị cho cán bộ quản lý và Tiến sĩ
17	Kí túc xá với căng tin và nhà ăn	Có
18	Hệ thống sân thể dục thể thao	
	Sân bóng chuyền	6
	Sân bóng đá mini	6
	Sân bóng đá lớn	1
	Sân thể thao phụ	Nhiều sân với tổng diện tích 35.000 m ²
	Nhà thi đấu đa năng	1 nhà thi đấu với 1.000 chỗ ngồi
19	Trung tâm Giáo dục Quốc Phòng - An ninh	1
20	Phòng y tế	1 nhà gồm nhiều phòng làm việc đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, sinh viên

PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

Chương trình giáo dục thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế tại Trường Đại học Vinh được xây dựng dựa trên các văn bản pháp lý và chuẩn mực quốc gia, cũng như tiếp cận theo phương thức đào tạo CDIO, nhằm trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội. Chương trình không chỉ giúp học viên nắm vững lý thuyết mà còn chú trọng đến thực hành và phát triển năng lực nghề nghiệp thông qua các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

1. Trách nhiệm của Khoa/Trường

Khoa/Trường nghiên cứu và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế sao cho phù hợp với các yêu cầu của xã hội và sự phát triển của ngành. Mỗi học phần phải được phân công giảng viên phụ trách, cung cấp đề cương chi tiết và kế hoạch giảng dạy để đảm bảo chương trình học được thực hiện đúng tiến độ và chất lượng.

Đảm bảo cơ sở vật chất, giáo trình, tài liệu tham khảo phong phú và cập nhật để hỗ trợ việc học tập và nghiên cứu của học viên. Các học phần phải có tài liệu học tập đầy đủ, từ sách giáo trình đến các tài liệu nghiên cứu, nghiên cứu trường hợp và các bài tập nhóm.

Học viên cần được hướng dẫn xây dựng kế hoạch học tập từ năm đầu học, đồng thời hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học ngay từ khi bắt đầu chương trình đào tạo.

2. Trách nhiệm của Giảng viên

Giảng viên phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết của từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các tài liệu, phương tiện dạy học phù hợp. Các bài giảng cần đảm bảo tính hệ thống, dễ hiểu và gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp.

Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập trước ít nhất một tuần, để học viên có thời gian nghiên cứu và chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

Giảng viên cần thiết kế các hoạt động học tập đa dạng, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học, bài tập nhóm, bài thực hành, thảo luận và báo cáo thực tập. Các hoạt động này không chỉ giúp học viên củng cố kiến thức mà còn phát triển kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và phân tích tình huống thực tế.

Giảng viên cần theo dõi, kiểm tra quá trình học tập của học viên, không chỉ trong giờ lên lớp mà còn trong các hoạt động tự học, nghiên cứu ngoài giờ. Việc theo dõi này giúp đảm bảo học viên hiểu bài và thực hiện đúng các yêu cầu học tập.

3. Trách nhiệm của Học viên

Trước mỗi buổi học, học viên cần nghiên cứu trước các tài liệu, giáo trình, đề cương môn học để dễ dàng tiếp thu kiến thức trong lớp học. Việc này không chỉ giúp học viên tiếp thu tốt hơn mà còn giúp giảng viên có thể giao tiếp, giải đáp thắc mắc một cách hiệu quả.

Học viên cần có thái độ tự giác trong việc tự học, tự nghiên cứu để nâng cao kiến thức

và kỹ năng. Đồng thời, học viên cũng nên tham gia tích cực vào các hoạt động học nhóm, các buổi seminar để trao đổi và chia sẻ kiến thức.

Học viên cần tận dụng tối đa các tài nguyên học tập có sẵn như thư viện, cơ sở dữ liệu học thuật của trường, các tài liệu nghiên cứu trên mạng để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu.

4. Các chương trình và hoạt động hỗ trợ học viên

Trường tổ chức các chương trình thực tập tại các doanh nghiệp đối tác, giúp học viên có cơ hội trải nghiệm thực tế, tìm hiểu nhu cầu của thị trường lao động và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

Trường và các khoa tổ chức các buổi hội thảo, seminar chuyên đề nhằm tạo cơ hội cho học viên trao đổi, học hỏi thêm từ các chuyên gia, nhà quản lý và các giảng viên trong ngành. Đây là cơ hội để học viên nâng cao kiến thức và cập nhật các xu hướng mới trong lĩnh vực quản lý kinh tế.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Nguyễn Thị Thu Cúc*